

Tên sáng kiến: *“Giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975”.*

Tác giả: Phạm Lê Trang Đài - Giáo viên Trường THPT Chuyên Quang Trung, tỉnh Bình Phước

1. Tóm tắt nội dung sáng kiến:

Trong chương trình giáo dục THPT, phần lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại thì phần kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) là một nội dung khó đối với cả giáo viên và học sinh vì đây là một phần bao gồm nhiều sự kiện, nhiều vấn đề lớn cần giải quyết. Trong đó có vấn đề “Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975”. Trong cấu trúc chương trình thi học sinh giỏi Quốc gia, có một mảng kiến thức quan trọng song không dễ tiếp cận, đó là giai đoạn lịch sử Việt Nam 1954 - 1975. Giai đoạn này trong SGK Lịch sử được cấu trúc theo tiến trình thời gian (theo từng bài), chương trình chuyên sâu không có gợi ý, song cấu trúc đề thi thường bỏ đọc, mang tính khái quát, khiến học sinh gặp không ít khó khăn khi ôn tập và làm bài. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn học tập môn Lịch sử và bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, tác giả đưa ra sáng kiến như sau: Khi giảng dạy phần Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975, thay vì phải giảng dạy từng bài như SGK (SGK viết đan xen tình hình miền Nam, miền Bắc theo trình tự thời gian), tác giả đã tách tình hình hai miền Nam - Bắc ra riêng để học sinh dễ nhớ và dễ liên hệ, cụ thể như sau:

* SGK Lịch sử 12 (nâng cao) trình bày:

Bài 24: Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, gìn giữ hoà bình (1954 – 1960).

Bài 25: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1961 – 1965).

Bài 26: Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 – 1968)

Bài 27: Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam, miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969 – 1973).

Bài 28: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975).

Ở cả 5 bài trên (24, 25, 26, 27, 28), tác giả chỉ chia thành hai phần lớn:

Phần 1: Miền Bắc (1954 – 1975) trải qua hai thời kỳ:

- 1954 – 1965: Miền Bắc hoà bình, thực hiện những nhiệm vụ sản xuất, xây dựng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- 1965 – 1975: Miền Bắc có chiến tranh, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống Chiến tranh phá hoại (2 lần) của Mỹ, vừa làm nghĩa vụ hậu phương.

Phần 2: Miền Nam (1954 – 1975): Nhân dân miền Nam chiến đấu chống 4 chiến lược chiến tranh của Mỹ: “Chiến tranh một phía” (1954 – 1960); “Chiến tranh

đặc biệt” (1961 – 1965); “Chiến tranh cục bộ” (1965- 1968) và chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 – 1975).

Trước khi đi vào phần tình hình cụ thể ở hai miền Nam - Bắc, tác giả đã khái quát một cách ngắn gọn, dễ hiểu nhất bối cảnh quốc tế và trong nước để giúp học sinh có cái nhìn tổng quan về những khó khăn và thuận lợi của cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ.

* Phần tình hình thế giới SGK Lịch sử 12 nâng cao đề cập được 5 dòng (ở trang 226) là quá ít để học sinh có thể nắm bắt được những thuận lợi và khó khăn tác động tới cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975). Từ đó, tác giả đã bổ sung và khái quát lại như sau:

- Bối cảnh Quốc tế:

Từ giữa thập niên 50 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có những biến chuyển lớn lao ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Việt Nam. Trên phạm vi toàn cầu, phe hiếu chiến do Mỹ cầm đầu đang triển khai chiến tranh lạnh, ráo riết thực hiện các kế hoạch phản động mới, Họ muốn chia cắt Đức, Triều Tiên, Việt Nam, thành lập các khối liên minh quân sự hòng đẩy lùi, tiêu diệt các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Hiệp ước Manila (8 - 9 – 1954) thành lập khối quân sự xâm lược Đông Nam Á (SEATO), Hiệp ước Pa ri (23 – 10- 1954) nhằm vũ trang lại Tây Đức, đưa Tây Đức gia nhập khối NATO, ngăn chặn sự thống nhất Đức,... Ở khu vực Đông Dương, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chính sách can thiệp, viện trợ cho chính phủ Ngô Đình Diệm, quyết tâm chia cắt Việt Nam, cản trở sự thống nhất đất nước theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ

Sự bất hòa giữa Liên Xô – Trung Quốc và trong phong trào cộng sản quốc tế cuối những năm 50, đồng thời nhiều nước trên thế giới đánh giá Mỹ quá cao, có tâm lý sợ Mỹ, sợ vũ khí nguyên tử của Mỹ, sợ chiến tranh giải phóng ở một nước có thể gây ra chiến tranh thế giới...là điều kiện khách quan để Mỹ rảnh tay tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn đó cũng xuất hiện nhiều yếu tố thuận lợi cho cách mạng Việt Nam như: phong trào giải phóng dân tộc đã đánh đổ từng mảng lớn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đang là lực lượng hùng mạnh, nối dài từ Âu sang Á; cũng trong thời gian này một xu thế hòa bình, trung lập phát triển trong các nước dân tộc chủ nghĩa do giai cấp tư sản nắm chính quyền. Đây là hiện tượng mới của phong trào giải phóng dân tộc.

Các nhân tố tích cực trên đây tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Trong nước:

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo đã giành được thắng lợi, Hiệp định Giơnevơ ký kết (7/1954), hòa bình được lập lại song sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ trong phạm vi cả nước vẫn chưa hoàn thành.

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, các nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân căn bản đã được hoàn thành, song miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của thực dân và tay sai. Lợi dụng sự khó khăn và thất bại của thực dân Pháp, Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp cùng bọn tay sai Ngô Đình Diệm tiếp tục thống trị

nhân dân ta ở miền Nam, hồng biển Miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Lực lượng cách mạng trong nước tuy đã có sự lớn mạnh gấp bội về mọi mặt, nhưng lực lượng cách mạng tại chỗ ở miền Nam tạm thời ở thế giữ gìn lực lượng. Sau khi quân đội ta tập kết ra Bắc, các tổ chức Đảng, tổ chức cách mạng ở miền Nam phải rút vào hoạt động bí mật, hoạt động không hợp pháp, chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị là chủ yếu. Ở miền Bắc, điểm mạnh nhất là sau Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, quyền làm chủ thuộc về nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng chỗ yếu của miền Bắc là chưa được củng cố, chưa có nhiều khả năng dồi dào để làm nghĩa vụ hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam.

Sau khi khái quát được bối cảnh quốc tế và trong nước, tác giả đã làm rõ được âm mưu của Mỹ đối với nước ta: âm mưu đó có từ khi nào và bắt đầu thực hiện từ khi nào; các chính sách về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa để thực hiện âm đó.

* Phần âm mưu của Mỹ SGK Lịch sử 12 nâng cao viết rất ít (3 dòng ở trang 221) hoặc không có. Từ đó, tác giả đã bổ sung: Mỹ có âm mưu xâm lược nước ta từ trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945), và bắt đầu thực hiện âm mưu đó sau khi kết thúc chiến tranh (1945), lúc đầu thông qua quân Tưởng ở miền Bắc, sau đó thông qua quân Pháp bằng viện trợ cho Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương và dần dần thay thế chân Pháp ở Đông Dương.

Đến năm 1954, lợi dụng thực dân Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương (1945 – 1954), đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam làm hai miền rồi độc chiếm miền Nam Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự. Mỹ còn âm mưu dùng miền Nam làm nơi ngăn chặn, đẩy lùi chủ nghĩa xã hội khỏi Đông Dương và Đông Nam Á, biến miền Nam thành nơi thí điểm các phát minh mới của khoa học kỹ thuật quân sự, thử nghiệm các chiến lược, chiến thuật của chiến tranh xâm lược thực dân mới để từ đó áp dụng ở những nơi khác trên thế giới. Để thực hiện âm mưu thâm độc đó, Mỹ đã thực hiện một loạt các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa.

Về chính trị: Mỹ tập hợp tay sai từ trong các giai cấp địa chủ và tư sản, lập ra những tổ chức chính trị, Đảng phái phản động đứng đầu là Ngô Đình Diệm, sau đó là các chính quyền tay sai khác làm công cụ để thực hiện âm mưu “dùng người Việt, trị người Việt”. Mỹ cùng với chính quyền tay sai ở miền Nam thực hiện thủ đoạn chính trị lừa bịp, như nêu chiêu bài “đã thực” (đuổi thực dân Pháp để Mỹ độc chiếm miền Nam); “bãi phong” (gạt Bảo Đại và tay sai của Pháp); “chống cộng” (chống lại nhân dân, chống lại những người yêu nước, dân chủ, tiến bộ, mong muốn hòa bình thống nhất nước nhà ở miền Nam)

Về quân sự: Mỹ giúp chính quyền Diệm tổ chức quân đội tay sai, bắt thanh niên vào lính, huấn luyện quân sự, tranh bị vũ khí bằng hệ thống cổ vắn và trả lương, giúp chính quyền Diệm xây dựng căn cứ quân sự, xây dựng quân cảng, sân bay, cầu cống, đường sá, kho tàng. Mỹ sử dụng quân đội tay sai và biến quân đội này thành công cụ để tiến hành chiến tranh xâm lược thực dân mới, chống lại cách mạng miền Nam, phá hoại cách mạng miền Bắc; đồng thời biến quân đội này thành lực lượng xung kích ở Đông Dương để tiến hành xâm lược Lào, Cam pu chia.

Về kinh tế: Mỹ biến miền Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mỹ và của các nước Đồng minh, biến miền Nam thành nơi đầu tư, khai thác, bóc lột và phục

vụ cho chiến tranh xâm lược trong việc thực hiện âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Về văn hóa: Mỹ đưa vào miền Nam văn hóa thực dân phản động của Mỹ và phương Tây nhằm đầu độc thanh thiếu niên miền Nam, đồng thời, Mỹ còn ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu miền Bắc, nói xấu cộng sản và chủ nghĩa xã hội...

Chính âm mưu xâm lược nước ta của Mỹ đã giúp học sinh dễ dàng nhận thức được vì sao sau Hiệp định Giơnevơ, nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị xã hội khác nhau.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ, nên Đảng chủ trương tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xem đây là con đường đúng đắn để thực hiện nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước. Một Đảng thống nhất lãnh đạo một đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, đó là đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo nhất của cách mạng nước ta từ tháng 7/1954 đến tháng 5/1975 (đặc điểm này SGK Lịch sử 12 không đề cập).

Thực tế cách mạng Việt Nam 1954 – 1975 được trình bày cụ thể như sau:

Phần 1. Cách mạng miền Bắc từ tháng 7/1954 đến tháng 4/1975 trải qua hai thời kì: Thời kì 1954 đến 1965, miền Bắc hòa bình, thực hiện những nhiệm vụ sản xuất, xây dựng theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thời kì 1965 đến 1975, miền Bắc có chiến tranh, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, vừa làm nghĩa vụ hậu phương.

1.1. Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ sản xuất, xây dựng theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1954 – 1965)

1.1.1 Thời kỳ 1954 – 1957 (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh)

* Hoàn thành cải cách ruộng đất: Cải cách ruộng đất là cuộc cách mạng nhằm xóa bỏ chế độ bóc lột phong kiến, giải phóng nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ. Cải cách ruộng đất bắt đầu từ năm 1953 và được tiến hành tất cả 5 đợt, đến năm 1956 thì hoàn thành. Thắng lợi quan trọng của cải cách ruộng đất là đã đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ, phong kiến, giải phóng sức lao động của người nông dân, đưa họ lên địa vị người chủ về kinh tế, chính trị.

* Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh: Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh là nhiệm vụ cần phải thực hiện trong thời kì đầu sau chiến tranh, được tiến hành trong tất cả các ngành kinh tế...

1.1.2 Thời kỳ 1958 – 1960 (Cải tạo quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa)

* Cải tạo quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa: Cải tạo quan hệ sản xuất là nhiệm vụ tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ. Cải tạo theo định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công thương nghiệp tư bản, tư doanh, trọng tâm là cải tạo thành phần kinh tế cá thể của nông dân. Khâu chính của cải tạo là hợp tác hóa nông nghiệp. Cải tạo có tác dụng tích cực là xóa bỏ về cơ bản chế độ người bóc lột người, xác lập bước đầu

quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, làm an tâm những người ra đi chiến đấu vì đã có hợp tác xã lo cuộc sống gia đình.

* Bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa: Về giáo dục, đến cuối 1960, miền Bắc căn bản xóa xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Số học sinh phổ thông tăng đáng kể, miền Bắc có 9 trường đại học với hàng chục ngàn sinh viên. Đời sống văn hóa của nhân dân lao động được nâng lên, công tác vệ sinh, phòng bệnh có tiến bộ.

1.1.3. Thời kỳ 1961 – 1965. (Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm, nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội)

Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nông nghiệp được coi là cơ sở để phát triển công nghiệp. Nhà nước đã xây dựng nhiều nông trường quốc doanh, nhiều công trình thủy lợi. Công nghiệp được ưu tiên đầu tư, chiếm 48% vốn xây dựng cơ bản của nền kinh tế quốc dân. Tính chung trong kế hoạch 5 năm, thu nhập quốc dân tăng bình quân 3,4%, riêng thu nhập của nông dân tăng 25%

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1961 – 1965) và nói chung trong 10 năm (1954 – 1965), đã làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc, Tại Hội nghị chính trị đặc biệt (3/1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ “Trong mười năm qua, miền Bắc nước ta tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”

1.2. Thời kì 1965 – 1975 (Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương)

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, đồng thời với việc đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất bắt đầu từ 5/8/1964 đến ngày 1/11/ 1968. Đế quốc Mỹ tấn công miền Bắc nhằm phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phá hoại tiềm lực kinh tế và quốc phòng miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, ngăn chặn sự chi viện của thế giới cho Việt Nam và Đông Dương.

Trước việc Mỹ mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc, Đảng chủ trương vừa chiến đấu chống Mỹ, vừa tiếp tục sản xuất, chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Trong chiến đấu, miền Bắc lập được nhiều chiến công, bắn rơi 3.200 máy bay các loại, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn giặc lái...bảo vệ được tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước. Do vấp phải những thất bại nặng nề, ngày 1/11/ 1968, Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.

Sản xuất được tiếp tục đẩy mạnh với tinh thần “làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm”. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng được đẩy mạnh. Nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt 5 tấn thóc/ ha. Sản xuất đảm bảo đời sống nhân dân, phục vụ đắc lực cho chiến đấu ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam.

Trong lúc miền Bắc đang giành được những thắng lợi quan trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì từ 6/4/1972, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Quân dân miền Bắc lại thực hiện phương châm vừa chiến đấu, vừa sản xuất, chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mỹ, quân dân miền Bắc đã giành nhiều thắng lợi vang dội, đỉnh cao là trận “Điện Biên Phủ trên không” (18 – 29/12//1972). Thất bại trong trận này, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pa ris, rút quân về nước.

Là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu “Mỗi người làm việc bằng hai”. Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển (khai thông từ năm 1959), miền Bắc đã đưa vào miền Nam hàng trăm ngàn cán bộ, bộ đội, hàng chục vạn tấn đạn dược, vũ khí thuốc men... Nguồn chi viện cùng với thắng lợi trong chiến đấu và sản xuất của quân dân miền Bắc đã góp phần quyết định vào thắng lợi của cách mạng miền Nam.

Phần 2. Miền Nam đấu tranh chống ách thống trị thực dân mới và tiến hành chiến tranh nhân dân chống cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ (1954 – 1975)

2.1. Nhân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh một phía” của Mỹ

Sau khi Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam 1954 và buộc phải rút quân về nước. Mỹ lập tức nhảy vào miền Nam, tiến hành “Chiến tranh một phía” dưới thời Tổng thống Aisenhao, nhằm gạt Pháp và tay sai của Pháp ra khỏi miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, rồi dùng chính quyền này thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng”. Mục tiêu của Mỹ là chống lại nhân dân miền Nam, tiến hành phá hoại hiệp định Giơnevơ, từ chối tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á. Như vậy *thực chất của Chiến lược “Chiến tranh một phía” là Mỹ và Chính quyền Sài Gòn đã dùng bạo lực để đàn áp đồng bào miền Nam tay không.*

Đứng trước âm mưu và hành động của Mỹ, quân và dân miền Nam dưới sự chỉ đạo của Đảng đã đứng lên chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh một phía, làm nên phong trào “Đồng khởi” (là phong trào nổi dậy đồng loạt của nhân dân miền Nam chống Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hoà, trước hết là những vùng nông thôn rộng lớn ở miền Nam và cả vùng núi Nam Trung bộ) (1959 – 1960) và giành được thắng lợi. Quân dân ta đã phá tan 2/3 chính quyền cơ sở của địch; trên cơ sở đó, chính quyền cách mạng được thành lập dưới hình thức “Ủy ban nhân dân tự quản”. Từ trong phong trào Đồng khởi, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960). Các lực lượng vũ trang phát triển thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam” (2/1961). Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã làm phá sản Chiến lược “Chiến tranh một phía” của Mỹ, làm suy yếu, khủng hoảng chính quyền Sài Gòn.

Với thắng lợi của phong trào “Đồng khởi”, cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công, từ khởi nghĩa từng phần (khởi nghĩa ở từng địa phương, giành chính quyền từng bộ phận) lên chiến tranh cách mạng (chiến tranh với mục đích giải phóng dân tộc, do quần chúng nhân dân tiến hành...)

2.2. Nhân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Thất bại trong chiến lược “Chiến tranh một phía”, Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh của Mỹ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản là “dùng người Việt đánh người Việt”. Như vậy, *tính “đặc biệt” của cuộc chiến tranh này là “người*

Việt đánh người Việt” nhưng không phải nội chiến mà là chính sách thực dân mới của Mỹ.

Mục tiêu của “Chiến tranh đặc biệt” là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng sau đó là hai năm. Tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” với ý đồ đàn áp cách mạng miền Nam, phá hoại miền Bắc, tiếp tục giữ miền Nam trong quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới sau thất bại trong “Chiến tranh một phía”. “Chiến tranh đặc biệt” được tiến hành trên ba chỗ dựa “quân đội Sài Gòn, Chính quyền Sài Gòn là công cụ” “đô thị là hậu cứ” “Áp chiến lược là xương sống”.

Trước tình hình Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân miền Nam đứng lên đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng và chiến tranh cách mạng, tiến công địch bằng cả “hai chân, ba mũi”(chính trị và quân sự, diễn ra trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị).

Kết quả: Chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ bị phá sản hoàn toàn vào giữa năm 1965.

2.3. Nhân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, từ giữa năm 1965, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

“Chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Với chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ âm mưu nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để áp đảo quân chủ lực của ta, cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, làm cho chiến tranh tàn lụi dần.

Dựa vào ưu thế quân sự, với quân số đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, quân Mỹ vừa mới vào miền Nam đã cho mở ngay các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào căn cứ cách mạng, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và chủ lực ta.

Như vậy, so với “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” có phạm vi rộng hơn, tính ác liệt được thể hiện ở quy mô và cường độ đánh phá, thể hiện ở mục tiêu “tìm diệt”. Thế nhưng Mỹ gọi là “chiến tranh cục bộ”, để tránh đương đầu với Liên Xô xã hội chủ nghĩa. (khi Mỹ tham chiến thì Liên Xô cũng sẽ tham chiến)

Với ý chí “Quyết chiến thắng giặc Mỹ xâm lược”, được sự phối hợp chiến đấu và chi viện của miền Bắc, quân dân ta ở miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành được những thắng lợi vang dội ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi); Thắng lợi trong hai mùa khô (1965- 1966 và 1966 – 1967) mà đỉnh cao là chiến thắng Mậu Thân (1968), buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa chiến tranh” xâm lược (Quân Sài Gòn thay quân Mỹ trên toàn chiến trường tức thừa nhận sự thất bại của “chiến tranh cục bộ”), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa ri để bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 có ý nghĩa to lớn, làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, là đòn quyết định làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” - mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2.4. Nhân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ

Sau khi chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thất bại, mặc dù phải xuống thang chiến tranh nhưng Mỹ chưa từ bỏ ý định duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, ngày 20/1/1969, Ních Xơn bước vào Nhà Trắng và đưa ra “học thuyết Ních xơn”. Học thuyết này được áp dụng vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và được gọi là chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (một sự điều chỉnh chủ trương “phi Mỹ hóa chiến tranh” của Giôn xơn) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương bằng chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh” (dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương)

“Việt Nam hóa chiến tranh” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần của Mỹ và vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn. Thực chất đó là việc tiếp tục thực hiện âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt” của Mỹ.

Đứng trước âm mưu và hành động mới của Mỹ, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Đồng thời, ta cũng phối hợp với nhân dân Lào và Campuchia, chiến đấu chống “Lào hóa chiến tranh” và “Khơ me hóa chiến tranh”, biến Đông Dương thành chiến trường thống nhất. Nhân dân ta vừa chiến đấu chống Mỹ trên chiến trường, vừa đẩy mạnh đấu tranh trên bàn đàm phán Pa ri. Ta còn đấu tranh với Mỹ trên các diễn đàn và hội nghị quốc tế, thông qua con đường ngoại giao, chúng ta làm cho nhân dân các nước hiểu và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam, lên án chiến tranh xâm lược của Mỹ.

Cuộc chiến đấu chống Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã giành được những thắng lợi to lớn: Thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược 1972 đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của đối phương là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Cùng với quân dân miền Nam, quân dân ta ở miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích bằng không quân và hải quân trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 của Mỹ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”. Những thắng lợi trên đã buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15-1-1973) và ký Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973). Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” về cơ bản bị phá sản.

2.5. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975

Cuối 1974 đầu 1975, trên cơ sở phân tích những thay đổi trong tương quan lực lượng giữa ta và địch ngày càng có lợi cho ta, Đảng đề ra chủ trương và kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 -1976, đồng thời nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra đồng loạt khắp miền Nam, từ thành thị đến nông thôn, từ miền núi tới đồng bằng, từ miền xuôi tới miền ngược; vừa tiến công của lực lượng vũ trang, vừa nổi dậy của quần chúng trong gần hai tháng từ 4/3 đến 2/5/1975, qua 3 chiến dịch lớn là Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh ngày 30/4/1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân ta đã giành thắng lợi, chiến lược “Việt Nam hóa

chiến tranh” hoàn toàn bị phá sản, non sông thu về một mối. Đây cũng là một trong những thắng lợi to lớn và oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Thắng lợi này tạo điều kiện cho cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội nhằm xây dựng một nước Việt Nam mới: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

* Sau khi trình bày tình hình hai miền Nam – Bắc (1954 – 1975), tác giả giúp học sinh rút ra mối liên hệ giữa hai miền Nam - Bắc (Phần này SGK Lịch sử 12 nâng cao có 6 dòng trang 223):

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã xác định cách mạng hai miền Nam – Bắc có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau. Trong đó cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước; cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Nhiệm vụ chung của cách mạng hai miền là cùng đánh Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước.

Trong thực tế của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975, mối quan hệ của cách mạng hai miền Nam – Bắc đã thể hiện đúng theo tinh thần nói trên.

Trong thời kỳ 1954 – 1960, miền Bắc mặc dù đang trong quá trình khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất sau kháng chiến chống Pháp, nhưng bước đầu đã có sự chi viện cho miền Nam. Năm 1959, tuyến đường Trường Sơn trên bộ và trên biển được xây dựng, nối liền hậu phương miền Bắc và tiền tuyến miền Nam; cũng trong thời kỳ này, những đội quân Nam tiến đầu tiên đã từ miền Bắc vào miền Nam kháng chiến. Tháng 1/1959, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ở Hà Nội đưa ra nghị quyết 15, quyết định con đường miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Nghị quyết 15 của Đảng đã soi đường, chỉ lối cho cách mạng Miền Nam tiến lên giành những thắng lợi mới. Ở miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh một phía” của Mỹ đã ngăn không cho Mỹ đem quân ra xâm lược miền Bắc.

Trong thời kỳ 1961 – 1965: Miền Bắc tiến hành thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trải qua 5 năm thực hiện kế hoạch, miền Bắc đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội, qua đó đã tích cực chi viện cho miền Nam hàng vạn bộ đội, hàng vạn tấn vũ khí, lương thực, thực phẩm, giúp nhân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Trong thời kỳ 1965 – 1968: Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ ở miền Nam” và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, nhân dân miền Bắc với tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do”, đã vừa chiến đấu, vừa sản xuất đạt được nhiều thành tựu. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam với phương châm “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Trong bốn năm 1965 – 1968, miền Bắc chuyển vào Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội cùng hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm với khối lượng tăng gấp 10 lần thời kỳ trước. Miền Bắc cũng đánh bại các cuộc không kích của giặc Mỹ. Với sự chi viện lớn lao nguồn nhân lực, vật lực của miền Bắc đã giúp miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Đặc biệt với chiến thắng Mậu Thân 1968 của nhân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt ném bom phá hoại miền Bắc.

Thời kỳ 1969 – 1973, Mỹ thi hành ở miền Nam chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần hai. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa tiếp tục chi viện cho miền Nam. Thời kỳ này, hàng chục vạn thanh niên miền Bắc được đưa vào Nam chiến đấu, khối lượng vật chất thời kỳ này tăng 1,7 lần thời kỳ trước. Sự chi viện to lớn của nhân dân miền Bắc cùng với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 đã giúp nhân dân miền Nam cơ bản đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ. Buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ở thời kỳ 1973 – 1975, miền Bắc có điều kiện hòa bình, do đó đã đẩy mạnh sản xuất và tích cực chi viện cho miền Nam. Với sự chi viện to lớn nguồn nhân lực, vật lực của miền Bắc cho miền Nam, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân miền Nam tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với thắng lợi này, non sông thu về một mối, Bắc – Nam sum họp một nhà, tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975 với những nét độc đáo và sự thắng lợi của giai đoạn này cũng chứng minh cho sự đúng đắn về con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là bài học quan trọng của dân tộc ta trong những giai đoạn lịch sử mới (Phản liên hệ).

2. Lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến:

Qua áp dụng sáng kiến đã giúp học sinh dễ nhớ, hiểu rõ và sâu các khái niệm: “Chiến tranh một phía”, Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”; giải thích được phong trào “Đồng khởi”; “Chiến tranh cách mạng”; “Mỹ hóa”, “Phi Mỹ hóa; đã bớt đi phần số liệu (Ta diệt bao nhiêu? Mỹ chết bao nhiêu?...); bổ sung thêm phần bối cảnh quốc tế và trong nước; âm mưu của Mỹ; nhấn mạnh đến vai trò của miền Bắc và chỉ rõ được mối quan hệ giữa cách mạng hai miền Nam - Bắc. Giải pháp tác giả đưa ra thể hiện được tính mới, tính sáng tạo trong việc bố cục, sắp xếp lại nội dung giai đoạn lịch sử Việt Nam 1954 - 1975, khắc phục được một số hạn chế của SGK Lịch sử 12 hiện hành, giảm tải áp lực kiến thức nặng cho học sinh; có thể áp dụng cho dạy chính khoá và dạy học sinh giỏi. Sáng kiến này có thể áp dụng rộng rãi cho tất cả các trường THPT trên địa bàn tỉnh khi cần đổi mới thời gian và đối tượng học sinh cho phù hợp./.